

Số: 16/2024/QĐST-HNGĐ
“V/v yêu cầu hủy việc kết hôn
trái pháp luật và công nhận
quan hệ hôn nhân”

Thanh Miện, ngày 10 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Đào Quang Khuyển.

Thư ký phiên họp: Ông Bùi Hoàng Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Diên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tiến hành mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 228/2024/TLST-VDS, ngày 22 tháng 11 năm 2024 về việc “Yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 228/2024/QĐST-VDS ngày 26 tháng 11 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

- Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn C - Chủ tịch UBND xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương, có đơn đề nghị xin giải quyết vắng mặt.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đồng thời là người yêu cầu giải quyết việc dân sự:** Anh Nguyễn Thanh D, sinh ngày 19/01/1984 và chị Vũ Thị Thu D1, sinh ngày 11/4/1991; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương.

(Ông C anh D, chị D1, đều có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Ủy ban nhân dân Xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện giải quyết việc dân sự về việc Hủy việc kết hôn trái pháp luật đối với anh Nguyễn Thanh D và chị Vũ Thị Thu D1 vì xác định: Trong giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 11 tháng 6 năm 2007 của UBND xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương, ghi anh Nguyễn Thanh D, sinh ngày 19/01/1984 kết hôn với chị Vũ Thị Thu D1, sinh ngày 11/4/1989 không đúng với năm sinh của chị D1, được thể hiện tại các tài liệu gồm: Giấy khai sinh, Bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân của chị D1 đều sinh ngày 11/4/1991; anh Nguyễn Thanh D, sinh ngày 19/01/1984. Như vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 11/6/2007, anh D được 23 tuổi 04 tháng 22 ngày đủ tuổi đăng ký kết hôn. Chị D1 được 16 tuổi 02 tháng chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn. Theo Luật Hôn nhân và

gia đình năm 2000 “*Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn*”. Đủ tuổi đăng ký kết hôn chị D1 đã khai tăng tuổi, sinh ngày 11/4/1989 là không đúng với năm sinh của chị, nguyên nhân do cán bộ làm thủ tục đăng ký kết hôn chỉ căn cứ vào lời khai của anh D, chị D1 mà không kiểm tra, đối chiếu chặt chẽ các giấy tờ tùy thân của anh chị dẫn đến việc đăng ký kết hôn trái pháp luật. Phát hiện việc đăng ký kết hôn và cấp Giấy chứng nhận kết hôn cho anh Nguyễn Thanh D và chị Vũ Thị Thu D1 là trái pháp luật, đại diện UBND xã P, ông Nguyễn Văn C, Chủ tịch UBND xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện hủy việc kết hôn trái pháp luật đối với anh D và chị D1; Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 11/6/2007 của UBND xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương đồng thời công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Thanh D và chị Vũ Thị Thu D1 kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn nếu anh D, chị D1 có yêu cầu.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đồng thời là người yêu cầu giải quyết việc dân sự anh D, chị D1 trình bày: Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 11/6/2007. Anh D, chị D1 khi biết UBND xã P, huyện T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện hủy việc kết hôn trái pháp luật đối với anh chị, anh chị cũng xác định việc kết hôn giữa anh và chị, tại thời điểm đăng ký kết hôn chị D1 chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn là vi phạm điều kiện kết hôn về độ tuổi, anh chị đồng ý với yêu cầu của UBND xã P, huyện T và không có ý kiến gì. Việc ghi chị Vũ Thị Thu D1, sinh ngày 11/4/1989 trong Giấy chứng nhận kết hôn là do chị D1 khai tăng tuổi để đủ điều kiện được đăng ký kết hôn. Hiện tại anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc và có 02 con chung, tài sản chung, chỉ vì năm sinh của chị D1 ghi trong giấy chứng nhận kết hôn không khớp nhau dẫn đến cuộc sống của anh chị và con bị ảnh hưởng trong việc thủ tục hành chính. Vì vậy anh chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị kể từ thời điểm anh chị đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên họp phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp và Thư ký phiên họp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện áp dụng: Khoản 6 Điều 3, Điều 8, Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC- BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư Pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 Luật phí, lệ phí; điểm d khoản 2 Điều 11, Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận đơn yêu cầu của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Thanh D, sinh ngày 19/01/1984 và chị Vũ Thị Thu D1, sinh ngày 11/4/1991, tại thời điểm anh chị đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật là ngày 11/4/2009.

- Về lệ phí giải quyết việc dân sự: UBND xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định.

Anh Nguyễn Thanh D và chị Vũ Thị Thu D1 có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự nên phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền lệ phí anh chị đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; Ý kiến của người yêu cầu và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] *Về Thẩm quyền giải quyết:* Anh Nguyễn Thanh D và chị Vũ Thị Thu D1 đều có nơi cư trú: thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương. UBND xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương là nơi cấp Giấy chứng nhận kết hôn trái pháp luật cho anh D, chị D1 vì vậy UBND xã P, huyện T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh D, chị D1, căn cứ theo giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 11/6/2007 đã cấp cho anh D, chị D1. UBND xã P yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân cho anh D, chị D1 từ thời điểm chị D1 đủ tuổi đăng ký kết hôn theo luật HNGĐ năm 2000. Anh D, chị D1 có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị kể từ thời điểm chị D1 đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ theo Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự việc Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương thụ lý việc dân sự là đúng thẩm quyền.

[2] *Về tố tụng:* Người yêu cầu UBND xã P là ông Nguyễn Văn C, đại diện theo pháp luật có đơn xin giải quyết vắng mặt. Anh Nguyễn Thanh D và chị Vũ Thị Thu D1 đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt tại phiên họp là phù hợp với quy định tại khoản 2,3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt họ.

[3] *Về nội dung:* Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật (kèm theo Giấy chứng nhận kết hôn số 37, ngày 11/6/2007) của UBND xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương và yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của anh D, chị D1 kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ gồm: Giấy khai sinh, Bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân của anh D, chị D1 đã có đủ căn cứ chứng minh tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 11/6/2007, anh D, sinh ngày 19/01/1984 được 23 tuổi 04 tháng 22 ngày đủ tuổi đăng ký kết hôn. Chị D1 sinh ngày 11/4/1991 thời điểm đăng ký kết hôn được 16 tuổi 02 tháng chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn, do vậy chị D1 đã khai tăng tuổi, sinh ngày 11/4/1989 để đủ tuổi đăng ký kết hôn. Do việc kiểm tra lý lịch của cán bộ đăng ký kết hôn chưa chặt chẽ, UBND xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương đã đăng ký kết hôn cho anh D, chị D1, tại Giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 11/6/2007; ghi họ và tên người vợ: Vũ Thị Thu D1, sinh ngày 11/4/1989 không đúng với năm sinh của chị D1 là ngày 11/4/1991. Việc kết hôn đó đã vi phạm vào Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm

2000. Theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, tại Điều 9 quy định: “Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn”. Như vậy có đủ căn cứ xác định tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 11/6/2007 chị D1 chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn, việc UBND xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương đã đăng ký kết hôn cho anh D, chị D1 là trái với quy định của pháp luật. Do vậy UBND xã P, huyện T có đơn yêu cầu Tòa án Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện hủy việc kết hôn trái pháp luật là có căn cứ chấp nhận theo Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại thời điểm UBND xã P yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, anh D, chị D1 đều xác định anh chị đã có đủ điều kiện kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc không có mâu thuẫn và có 02 con chung, tài sản chung nhưng vì năm sinh của chị D1 không khớp nhau đã ảnh hưởng đến làm thủ tục hành chính của gia đình anh chị. Anh D, chị D1 đều thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị kể từ thời điểm chị D1 đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Yêu cầu công nhận hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư Pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, vì vậy không cần hủy việc kết hôn trái pháp luật mà công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Thanh D và chị Vũ Thị Thu D1 kể từ thời điểm chị D1 đủ điều kiện kết hôn là ngày 11/4/2009.

Ủy ban nhân dân xã P, huyện T có trách nhiệm ghi vào sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch của anh D, chị D1 theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 31 Luật hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014.

Về con chung, tài sản chung, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Vũ Thị Thu D1, sinh ngày 11/4/1991 được thể hiện tại Giấy khai sinh, Bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, chứng minh nhân dân, căn cước công dân nhưng trong giấy chứng nhận kết hôn ghi Vũ Thị Thu D1, sinh ngày 11/4/1989, chị đã có đơn đề nghị và được UBND xã P, huyện T xác nhận là cùng một người.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự:

- UBND xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

- Anh Nguyễn Thanh D và chị Vũ Thị Thu D1 có đơn yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn nên phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều

149, 370, 371 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương về việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn Thanh D và chị Vũ Thị Thu D1.

2. Chấp nhận yêu cầu của anh D, chị D1: Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Thanh D, sinh ngày 19/01/1984 và chị Vũ Thị Thu D1, sinh ngày 11/4/1991; Nơi cư trú: thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương, kể từ thời điểm chị D1 đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật là ngày 11 tháng 4 năm 2009.

3. Về lệ phí:

- UBND xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

- Anh Nguyễn Thanh D và chị Vũ Thị Thu D1 phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng Anh D chị D1 đã nộp theo biên lai số: 0006803 ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Anh D chị D1 đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu UBND xã P, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đồng thời là người yêu cầu đều vắng mặt, có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định. Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày ra Quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Phạm Kha, huyện Thanh Miện;
- Chi Cục THADS huyện Thanh Miện;
- Những người yêu cầu;
- Lưu Hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN HỌP

Đào Quang Khuyến